

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TỰ HỌC NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHÔNG CHUYÊN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG PHÒNG VẤN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI CÁC ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH Ở NINH BÌNH

Nguyễn Thị Hồng Tuyên
Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt: Bài báo giới thiệu mô hình học tập trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng tự học nói tiếng Anh cho 88 sinh viên năm thứ nhất không chuyên tại Trường Đại học Hoa Lư. Thông qua hoạt động nhóm phỏng vấn du khách quốc tế tại các điểm du lịch nổi tiếng ở Ninh Bình – phù hợp với các chủ đề trong học phần Tiếng Anh 1. Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp hành động, tập trung vào quá trình cải tiến liên tục qua ba giai đoạn: chuẩn bị, thực hành và phản hồi.

Từ khóa: Kỹ năng nói, tự học, sinh viên không chuyên, phỏng vấn, học trải nghiệm, tiếng Anh thực tế.

DEVELOPING ENGLISH SPEAKING SELF-STUDY SKILLS FOR NON-MAJOR FIRST-YEAR STUDENTS THROUGH INTERVIEWING FOREIGNERS AT TOURIST DESTINATIONS IN NINH BÌNH

Nguyen Thi Hong Tuyen
Hoa Lu University

Abstract: This paper introduces an experiential learning model to develop self-study English speaking skills for 88 first-year non-major students at Hoa Lu University. Through group activities of interviewing international tourists at famous tourist destinations in Ninh Binh - suitable for the topics in English 1. The study is designed according to the action method, focusing on the continuous improvement process through three stages: preparation, practice and feedback.

Keywords: Speaking skills, self-study, non-major students, interview, experiential learning, practical English.

Nhận bài: 05/06/2025

Phản biện: 10/07/2025

Duyệt đăng: 14/07/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại hội nhập quốc tế, khả năng sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng nói, trở thành một yêu cầu thiết yếu đối với sinh viên Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn sinh viên năm thứ nhất không chuyên gặp khó khăn trong việc phát triển kỹ năng nói do thiếu môi trường thực hành, tâm lý sợ nói sai và hạn chế về chiến lược học tập cá nhân. Những trở ngại càng rõ nét hơn ở các trường đại học địa phương như Trường Đại học Hoa Lư, nơi phần lớn sinh viên đến từ khu vực nông thôn, ít có cơ hội tiếp xúc với người bản ngữ hay tham gia các hoạt động ngoại khóa liên quan đến sử dụng tiếng Anh.

Trước bối cảnh đó, việc thiết kế một mô hình học tập trải nghiệm tích hợp với nội dung học phần Tiếng Anh 1 là hết sức cần thiết. Học phần thường xoay quanh các chủ đề gần gũi như văn hóa, ẩm thực, danh lam thắng cảnh – những chủ đề dễ kết nối với thực tiễn địa phương và thu hút du khách quốc tế. Việc tổ chức các hoạt động nhóm phỏng vấn người nước ngoài tại các điểm du lịch như Tràng An, Tam Cốc – Bích Động, Chùa Bái Đính... giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, học hỏi qua trải nghiệm thực tế và phát triển tư duy tự học một cách chủ động.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tự học và vai trò trong học tập ngôn ngữ

Theo Holec (1981), tự học là khả năng cá nhân tự chịu trách nhiệm trong quá trình học tập. Tự học bao gồm việc xác định rõ mục tiêu học tập, lựa chọn tài nguyên học phù hợp, xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, tự đánh giá tiến độ và điều chỉnh chiến lược khi cần thiết. Benson (2011) cũng nhấn mạnh rằng người học có khả năng tự học tốt thường có khả năng phát triển ngôn ngữ nhanh và bền vững hơn, vì họ duy trì được động lực nội tại và biết tự điều tiết hành vi học tập.

Trong việc học nói tiếng Anh, tự học thể hiện qua việc sinh viên chủ động luyện tập ngoài lớp học, tìm kiếm cơ hội thực hành, sử dụng các phần mềm luyện phát âm (như ELSA Speak, YouGlish), ghi âm và đánh giá lại phần nói của bản thân, cũng như học hỏi từ bạn bè.

2.2. Học nói qua tương tác thực tiễn và giao tiếp xác thực

Nunan (1997) đề xuất sử dụng các nhiệm vụ giao tiếp thực tiễn (task-based learning) để phát triển kỹ năng nói. Lý thuyết kiến tạo xã hội (Vygotsky, 1978) khẳng định rằng ngôn ngữ được tiếp thu hiệu quả thông qua các hoạt động giao

tiếp thực – nơi người học tương tác, thương lượng ý nghĩa và nhận phản hồi trực tiếp. Phòng vấn người nước ngoài tại điểm du lịch – với chủ đề quen thuộc – là một bối cảnh học tập lý tưởng để hiện thực hóa các lý thuyết này.

Ngoài ra, học tập trong nhóm và qua cộng tác cũng giúp sinh viên học hỏi lẫn nhau, chia sẻ chiến lược học tập, tăng tinh thần trách nhiệm và khắc phục sự ngại ngùng. Khi được đặt trong một nhiệm vụ chung, mỗi cá nhân buộc phải đóng góp để hoàn thành mục tiêu, từ đó hình thành động cơ học tập mạnh mẽ.

2.3. Bối cảnh và mẫu nghiên cứu

Trường Đại học Hoa Lư là một cơ sở giáo dục đại học đa ngành đóng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho địa phương và các tỉnh lân cận như Nam Định, Thanh Hóa, Hòa Bình... Sinh viên theo học tại trường có xuất thân đa dạng, phần lớn đến từ vùng nông thôn, miền núi hoặc khu vực ngoại thành, nơi điều kiện tiếp cận với môi trường học ngoại ngữ thực hành còn nhiều hạn chế.

Trước khi bước vào bậc đại học, phần lớn sinh viên đã trải qua quá trình học tiếng Anh theo chương trình phổ thông tại bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Tuy nhiên, chương trình phổ thông này chủ yếu thiên về ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng làm bài thi viết, chưa chú trọng nhiều đến phát triển kỹ năng nói và giao tiếp thực tế. Do vậy, khi vào đại học, sinh viên thường gặp khó khăn trong việc hình thành phản xạ giao tiếp bằng tiếng Anh, chưa quen với việc sử dụng ngôn ngữ trong tình huống sống động và thiếu tự tin khi nói trước người khác.

Hơn nữa, do sự khác biệt về điều kiện học tập ở các vùng miền, trình độ tiếng Anh của sinh viên không đồng đều. Nhiều sinh viên chưa đạt đến chuẩn đầu ra theo yêu cầu tối thiểu, dẫn đến sự chênh lệch rõ rệt về năng lực giữa các cá nhân trong cùng lớp học. Điều này cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động học nhóm, nếu không có sự hỗ trợ và điều phối phù hợp từ giảng viên. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm kiếm giải pháp thúc đẩy kỹ năng tự học nói tiếng Anh cho nhóm sinh viên này thông qua hình thức học tập trải nghiệm thực tế gắn với chương trình học.

Khảo sát ban đầu trên 88 sinh viên năm nhất không chuyên tại trường cho thấy: 72% cho rằng kỹ năng nói là khó cải thiện nhất trong bốn kỹ năng; 68% thừa nhận thiếu tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh; 100% bày tỏ mong muốn được tiếp xúc với người nước ngoài để luyện nói trong môi trường thực tế.

Mẫu nghiên cứu gồm 88 sinh viên, được chia thành 06 nhóm. Mỗi nhóm lựa chọn một chủ đề phù hợp với nội dung học phần Tiếng Anh 1 (như văn hóa địa phương, ẩm thực, danh lam thắng cảnh, lễ hội, điện ảnh, âm nhạc...) và xây dựng kịch bản phỏng vấn. Sinh viên được hướng dẫn kỹ năng đặt câu hỏi, lựa chọn từ vựng, luyện phát âm và thực hành phỏng vấn mô phỏng trước khi tham gia hoạt động thực tế tại điểm du lịch trọng điểm như Phố cổ Hoa Lư, Tràng An, Tam Cốc – Bích Động,...

Hoạt động kéo dài 8 tuần, chia làm ba giai đoạn: Giai đoạn 1 (2 tuần): Chuẩn bị, tập huấn kỹ thuật phỏng vấn, xây dựng bộ câu hỏi, luyện nói theo nhóm; Giai đoạn 2 (4 tuần): Sinh viên tự tổ chức các buổi phỏng vấn người nước ngoài tại các địa điểm du lịch đã chọn; Giai đoạn 3 (2 tuần): Báo cáo kết quả, trình bày video clip, phản hồi và đánh giá giữa giảng viên và bạn học.

Quá trình này không chỉ cung cấp môi trường thực hành tiếng Anh sống động mà còn khuyến khích sinh viên vượt qua rào cản tâm lý, xây dựng thói quen tự học bền vững và gắn kết lý thuyết với thực tiễn.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu hành động (action research) được áp dụng để vừa triển khai mô hình vừa cải tiến qua từng chu kỳ. Dữ liệu được thu thập thông qua: Bảng khảo sát tiền – hậu (Likert 1–5); Bài kiểm tra nói cuối kỳ (theo khung CEFR); Nhật ký học tập cá nhân; Bảng đánh giá nhóm và phỏng vấn bán cấu trúc.

Phân tích dữ liệu kết hợp định lượng (SPSS 26) và định tính (thematic analysis), tập trung vào sự thay đổi trong nhận thức, thái độ và hành vi học tập của sinh viên.

2.5. Kết quả

2.5.1. Cải thiện kỹ năng nói

Sau 08 tuần triển khai, kết quả kiểm tra học phần Tiếng Anh 1 cho thấy điểm trung bình kỹ

năng nói của sinh viên tăng từ $5,8 \pm 1,1$ lên $7,2 \pm 0,9$. Kiểm định t-test cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($t(87) = 12,45$; $p < .001$). Điều này cho thấy hoạt động học tập trải nghiệm không chỉ giúp sinh viên luyện tập trong môi trường thực tế mà còn mang lại hiệu quả cụ thể về học thuật. Ngoài điểm số, sinh viên cũng tự đánh giá mức độ tiến bộ rõ ràng: 81% cho rằng khả năng diễn đạt trở nên trôi chảy hơn, phát âm chính xác hơn và vốn từ được mở rộng theo hướng phù hợp ngữ cảnh giao tiếp thực tế.

Một yếu tố đáng chú ý là sự cải thiện không chỉ đến từ số lần thực hành mà còn từ chất lượng phản hồi mà sinh viên nhận được từ khách quốc tế và bạn đồng hành, giúp họ có cơ sở điều chỉnh phát âm, ngữ điệu và cách diễn đạt.

2.5.2. Phát triển năng lực tự học

Qua phân tích nội dung 88 bản nhật ký học tập cá nhân, một số xu hướng nổi bật được ghi nhận: 81% sinh viên xác lập mục tiêu học nói hằng tuần, thể hiện qua việc lên kế hoạch luyện tập trước mỗi buổi phỏng vấn; 74% chủ động tìm kiếm tài liệu luyện nói trên nền tảng số như YouTube, podcast, phần mềm học phát âm; 67% thường xuyên sử dụng công cụ số như ELSA Speak, Google Translate, YouGlish để tra cứu và luyện phát âm; 55% duy trì thói quen luyện tập ngoài giờ học chính thức (đọc to, nói một mình, ghi âm).

Kết quả khảo sát phản ánh rằng hoạt động không chỉ tạo môi trường thực hành mà còn tác động đến nhận thức và hành vi học tập. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào giảng viên, sinh viên bắt đầu tự điều phối tiến trình học của mình – một năng lực cốt lõi trong học tập suốt đời. Ngoài ra, nhiều nhóm còn tự tổ chức luyện tập qua các nhóm chat, gọi video luyện phỏng vấn và hỗ trợ nhau sửa lỗi, thể hiện sự hình thành văn hóa học tập cộng tác và chủ động.

2.5.3. Chuyển biến nhận thức và thái độ học

Trước khi tham gia hoạt động, phần lớn sinh viên cho biết họ xem việc học nói là một nghĩa vụ để thi qua môn, mang tính hình thức và có phần áp lực. Tuy nhiên, sau khi trải nghiệm hoạt động phỏng vấn người nước ngoài, nhận thức của họ có sự thay đổi rõ rệt. Thay vì học thuộc mẫu câu, sinh viên bắt đầu chú trọng đến khả năng diễn đạt linh hoạt, phản ứng ngôn ngữ trong tình huống thực tế và nhu cầu làm chủ cuộc hội thoại.

Một sinh viên chia sẻ: “Em nhận ra nói tiếng Anh không phải để đúng tuyệt đối mà để người ta hiểu và có cảm xúc. Khi được phản hồi tích cực, em thấy tự tin hơn rất nhiều.” Điều này cho thấy vai trò của yếu tố cảm xúc tích cực trong học ngôn ngữ – một yếu tố thường bị bỏ quên trong lớp học truyền thống.

Ngoài ra, trải nghiệm thực tế giúp sinh viên nhận ra rằng người nước ngoài thường thân thiện và dễ tiếp cận, từ đó gỡ bỏ rào cản tâm lý và giảm thiểu nỗi sợ mắc lỗi. Sự thay đổi này mang tính nền tảng, góp phần tạo nên một thể hệ người học có tư duy mở và tự tin khi sử dụng ngôn ngữ thứ hai.

2.5.4. Khó khăn và giải pháp hỗ trợ

Mặc dù hoạt động mang lại nhiều lợi ích, nhưng trong quá trình triển khai vẫn phát sinh một số khó khăn:

Một là, rào cản tâm lý. Có đến 35% sinh viên chia sẻ rằng họ cảm thấy hồi hộp, lo lắng và bối rối trong lần đầu tiếp xúc với người nước ngoài. Đây là biểu hiện của “nỗi sợ ngôn ngữ” (language anxiety), vốn là rào cản phổ biến trong học nói tiếng Anh. Giải pháp được áp dụng là tổ chức các buổi mô phỏng phỏng vấn tại lớp, phân vai giữa người hỏi – người trả lời – người quan sát để sinh viên quen dần với áp lực thực tế.

Hai là, ảnh hưởng từ yếu tố khách quan: 19% sinh viên phản ánh rằng thời tiết hôm nhóm lựa chọn đi phỏng vấn xấu nên phải thay đổi thời gian khác, có hôm lượng khách nước ngoài ít hoặc khách không sẵn sàng hợp tác là trở ngại lớn trong quá trình thực hiện phỏng vấn. Một số nhóm đã linh hoạt thay đổi địa điểm (chuyển từ Tràng An sang Phố cổ Hoa Lư) hoặc chia thời gian đi nhiều đợt nhỏ để tăng cơ hội gặp khách quốc tế.

Ba là, vấn đề phương tiện di chuyển: Với 16% sinh viên sống xa trung tâm, việc tự di chuyển đến các điểm du lịch là trở ngại về thời gian và chi phí. Giảng viên đã hỗ trợ thông qua nhóm lớp, phân công sinh viên cùng tuyến hỗ trợ nhau.

Từ những khó khăn trên, nhóm nghiên cứu rút ra bài học rằng cần thiết kế hoạt động có tính linh hoạt cao, kết hợp giữa chuẩn bị kỹ càng, tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ tinh thần liên tục để sinh viên cảm thấy an toàn và sẵn sàng vượt qua giới hạn bản thân.

III. KẾT LUẬN

Hoạt động nhóm phỏng vấn người nước ngoài tại các địa điểm du lịch là một mô hình hiệu quả, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của sinh viên không chuyên tại các trường đại học địa phương. Mô hình vừa phát triển kỹ năng nói, vừa bồi dưỡng năng lực tự học và xây dựng thái độ học tập tích cực. Để nâng cao hiệu quả mô hình này cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, giảng viên cần lựa chọn trường nhóm

có đủ năng lực điều hành nhóm làm việc theo các phần việc mà nhóm phải thực hiện.

Thứ hai, giảng viên nên tích hợp hướng dẫn sử dụng công nghệ (AI, phần mềm luyện nói) vào quá trình học tập.

Thứ ba, cần có chính sách hỗ trợ thời gian và công cụ cho sinh viên tham gia hoạt động ngoài lớp học.

Thứ tư, nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng đối tượng, kết hợp với phân tích video để đánh giá sâu hơn về diễn ngôn và tiến bộ cá nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benson, P. (2011). *Teaching and researching autonomy in language learning* (2nd ed.). Routledge.
2. Brown, H. D. (2007). *Principles of language learning and teaching* (5th ed.). Pearson.
3. Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Pergamon.
4. Nunan, D. (1997). Designing and adapting materials to encourage learner autonomy. In P. Benson & P. Voller (Eds.), *Autonomy and independence in language learning* (pp. 192–203). Longman.
5. Oxford, R. (2001). Language learning strategies. In R. Carter & D. Nunan (Eds.), *The Cambridge guide to teaching English to speakers of other languages* (pp. 166–172). Cambridge University Press.